

p-ISSN 1859-4581

e-ISSN 2815-6153

Tạp chí

NÔNG NGHIỆP & PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

*Science and Technology Journal
of Agriculture & Rural Development*

MINISTRY OF AGRICULTURE AND RURAL DEVELOPMENT, VIETNAM

Tạp chí Khoa học và Công nghệ

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

24
2024

TẠP CHÍ

**NÔNG NGHIỆP
& PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**p-ISSN 1859-4581
e-ISSN 2815-6153**

**NĂM THỨ HAI MƯƠI TƯ
SỐ 495 NĂM 2024
XUẤT BẢN 1 THÁNG 2 KỲ**

**TỔNG BIÊN TẬP
TS. NGUYỄN THỊ THANH THỦY
ĐT: 024.37711070**

**PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
TS. DƯƠNG THANH HẢI
ĐT: 024.38345457**

TOÀ SOẠN - TRỊ SỰ
Số 10 Nguyễn Công Hoan
Quận Ba Đình - Hà Nội
ĐT: 024.37711072
Fax: 024.37711073
E-mail: tapchinongnghiep@mard.gov.vn
Website: www.tapchinongnghiep.vn

Giấy phép số:
114/GP - BTTTT
Bộ Thông tin và Truyền thông
cấp ngày 6 tháng 4 năm 2023
In tại Công ty CP Khoa học và Công
nghệ Hoàng Quốc Việt

MỤC LỤC

- ❑ NGUYỄN THỊ QUYÊN, TRẦN THỊ THU HOÀI, ĐOÍ HỒNG HẠNH, 3-9
HOÀNG THỊ NGÀ, LÊ THỊ LOAN, HOÀNG THỊ HẢI, LƯƠNG THỊ
KIM LOAN, HỒ THỊ THƯƠNG, TỐNG XUÂN HIỆU. Đa dạng nguồn
gen cây trồng thu thập tại tỉnh Điện Biên giai đoạn 2004 - 2024
- ❑ ĐÀO THÙY DƯƠNG, NGUYỄN THỊ THU, CHU HUY TƯỜNG, 10-19
PHAN THỊ KHÁNH LINH, PHẠM HỒNG NHUNG, NGUYỄN TIẾN
ĐẠT, LÊ ĐỨC THẮNG. Nghiên cứu nhân giống *in vitro* cây ngải đen
(*Kaempferia parviflora* Wall. Ex Baker)
- ❑ BÙI MINH SANG, MAI VĂN THẾ BẢO, NGUYỄN TRƯỜNG TRINH, 20-30
NGUYỄN THỊ PHA, NGUYỄN THỊ KIỀU, ĐỖ THỊ XUÂN. Ảnh hưởng
của giá thể lên sinh trưởng và năng suất măng tây (*Asparagus
officinalis* L.) trong điều kiện thí nghiệm nhà màng
- ❑ NGUYỄN HOÀNG ANH, NGUYỄN THỊ THANH TÚ, TRẦN VÕ 31-40
QUỐC HUY, CAO THỊ NHƯ Ý, ĐỖ KINH KHA, VÕ TRÀ MY, LÊ
NGUYỄN ĐOAN DUY. Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng của quá
trình thủy phân bằng enzym pullulanase để làm tăng hàm lượng tinh
bột kháng tiêu hóa từ nguyên liệu gạo
- ❑ NGUYỄN THỊ LÂM ĐOÀN. Đánh giá hoạt tính lợi khuẩn và khả năng 41-50
lên men sữa đậu đỏ của *Lactobacillus pentosus* DCM 52.10
- ❑ NGUYỄN NGUYỄN THÀNH NHƠN, NGUYỄN MINH CHÂU, 51-59
NGUYỄN VĂN DŨNG, DƯƠNG VĂN SANG, PHẠM THỊ HẠNH.
Nghiên cứu thử nghiệm sản xuất giống nhân tạo cá mó đầu khum
(*Cheilinus undulatus* Ruppell, 1835)
- ❑ LÊ ĐỨC THUẦN, CHU CHÍ THIẾT, PHAN THỊ VÂN. Ảnh hưởng của 60-67
mật độ ương đến sinh trưởng và tỷ lệ sống của ấu trùng ngao đầu
(*Meretrix meretrix* Linnaeus, 1758) từ giai đoạn bơi tự do (D-veliger)
đến giai đoạn sau biến thái (post-metamorphosis)
- ❑ TRẦN THỊ YẾN KHOA, LÊ NGỌC KIỀU. Xác định các nhân tố ảnh 68-76
hưởng mức sẵn lòng chi trả của người dân để cải thiện chất lượng
nước tại tuyến kênh Búng Xáng, thành phố Cần Thơ
- ❑ NGUYỄN NGỌC THANH, NGUYỄN HỮU NGŨ, NGUYỄN QUANG 77-87
THI. Quy trình phân tích thứ bậc dựa trên hệ thống thông tin địa lý và
viễn thám để thành lập bản đồ nguy cơ hạn hán ở huyện A Lưới, tỉnh
Thừa Thiên Huế
- ❑ HUỖNH ĐỨC HOÀN, LÊ THỊ PHƯƠNG QUYÊN, ĐẶNG NGỌC 88-100
HIỆP, LA VĨNH HẢI HÀ. Nghiên cứu đánh giá tác động của du lịch
đến công tác quản lý tài nguyên rừng tại Khu Dự trữ sinh quyển
Rừng ngập mặn Cần Giờ

**VIETNAM JOURNAL OF
AGRICULTURE AND RURAL
DEVELOPMENT**

**p-ISSN 1859-4581
e-ISSN 2815-6153**

THE TWENTY FOURTH YEAR
No. 495 - 2024

Editor-in-Chief
Dr. NGUYEN THI THANH THUY
Tel: 024.37711070

Deputy Editor-in-Chief
Dr. DUONG THANH HAI
Tel: 024.38345457

Head-office
No 10 Nguyenconghoan
Bach Dinh - Hanoi - Vietnam
Tel: 024.37711072
Fax: 024.37711073
E-mail: tapchinongnghiep@mard.gov.vn
Website: www.tapchinongnghiep.vn

License No.114/GP - BTTTT issued
by the Ministry of Information and
Communication on April 6, 2023

Printing in Hoang Quoc Viet
technology and science
joint stock company

CONTENTS

- ❑ NGUYEN THI QUYEN, TRAN THI THU HOAI, DOI HONG HANH, 3-9
HOANG THI NGU, LE THI LOAN, HOANG THI HAI, LUONG THI KIM
LOAN, HO THI THUONG, TONG XUAN HIEU. Diversity crop
germplasm collected in Dien Bien province
- ❑ DAO THUY DUONG, NGUYEN THI THU, CHU HUY TUONG, PHAN 10-19
THI KHANH LINH, PHAM HONG NHUNG, NGUYEN TIEN DAT, LE
DUC THANG. Research on *in vitro* propagation of black ginger
(*Kaempferia parviflora* Wall. Ex Baker)
- ❑ BUI MINH SANG, MAI VAN THE BAO, NGUYEN TRUONG TRINH, 20-30
NGUYEN THI PHA, NGUYEN THI KIEU, DO THI XUAN. Effects of
growing substrates on growth and yield of asparagus (*Asparagus
officinalis* L.) under the greenhouse condition
- ❑ NGUYEN HOANG ANH, NGUYEN THI THANH TU, TRAN VO 31-40
QUOC HUY, CAO THI NHU Y, DO KINH KHA, VO TRA MY, LE
NGUYEN DOAN DUY. Study on factors affecting the process of
hydrolysis by enzyme pullulanase to increase the content of resistant
starch from rice
- ❑ NGUYEN THI LAM DOAN. Evaluation of probiotic characteristics 41-50
and red bean milk fermentation ability of *Lactobacillus pentosus*
"DCM" 52.10
- ❑ NGUYEN NGUYEN THANH NHON, NGUYEN MINH CHAU, 51-59
NGUYEN VAN DUNG, DUONG VAN SANG, PHAM THI HANH.
Artificial reproduction test of humphead wrasse (*Cheilinus undulatus*
Ruppell, 1835)
- ❑ LE DUC THUAN, CHU CHI THIET, PHAN THI VAN. Effect of 60-67
stocking density on growth and survival rate of larvae of clam
(*Meretrix meretrix* Linnaeus, 1758) from D-veliger to post
metamorphosis stages
- ❑ TRAN THI YEN KHOA, LE NGOC KIEU. Factors affecting people's 68-76
willingness to pay to improve water quality in Bung Xang canal, Can
Tho city
- ❑ NGUYEN NGOC THANH, NGUYEN HUU NGU, NGUYEN QUANG 77-87
THI. Gis and remote sensing - based analytic hierarchy process used
for drought risk map in A Luoi district, Thua Thien Hue province
- ❑ HUYNH DUC HOAN, LE THI PHUONG QUYEN, DANG NGOC 88-100
HIEP, LA VINH HAI HA,. Impact of tourism on forest resource
management in Can Gio mangrove bioscopy reserve

NGHIÊN CỨU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA DU LỊCH ĐẾN CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN RỪNG TẠI KHU DỰ TRỮ SINH QUYỂN RỪNG NGẬP MẶN CẦN GIỜ

Huỳnh Đức Hoàn^{1*}, Lê Thị Phương Quyên¹, Đặng Ngọc Hiệp¹, La Vĩnh Hải Hà²

¹*Ban Quản lý Rừng phòng hộ huyện Cần Giờ*

²*Trường Đại học Nông Lâm thành phố Hồ Chí Minh*

** Email: huynhduchoanpy@gmail.com*

TÓM TẮT

Khu Dự trữ sinh quyển Rừng ngập mặn Cần Giờ có các thế mạnh là hệ sinh thái rừng ngập mặn, biển, nông nghiệp, văn hóa, tín ngưỡng... tạo điều kiện thuận lợi để phát triển các ngành nông - lâm - ngư nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch và dịch vụ. Sử dụng phương pháp kế thừa số liệu và công cụ điều tra xã hội học trên đối tượng khách du lịch và người tham gia cung ứng dịch vụ du lịch, phân tích SWOT để đánh giá tác động của du lịch đến tài nguyên rừng, môi trường, công tác quản lý rừng và bảo tồn, từ đó phát huy thế mạnh và có những giải pháp giảm thiểu tác động tiêu cực. Khu vực nghiên cứu có 3 điểm/khu du lịch du sinh thái với 4 loại hình du lịch được khai thác bao gồm: Nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí (22,0%); dã ngoại, khám phá thiên nhiên, du lịch mạo hiểm (46,0%); tham quan, nghiên cứu các hệ sinh thái (21,3%); du lịch cộng đồng (10,7%). Hệ thống cung ứng dịch vụ gồm 6 nhóm hoạt động chính là: Dịch vụ lưu trú (10,8%), vận chuyển (23,1%), ăn uống (43,1%), cung ứng nông sản, thủy sản (46,2%), kinh doanh hàng lưu niệm (12,3%) và hướng dẫn viên bản địa (6,1%). Các dịch vụ du lịch phụ thuộc rất lớn vào các yếu tố tài nguyên, môi trường, thời tiết, đa dạng sinh học, có 9 yếu tố cấu thành năng lực cạnh tranh tại 3 điểm/khu du lịch sinh thái, trong đó điểm du lịch sinh thái Dầm Xây được đánh giá vượt trội nhất. Nghiên cứu đã chỉ ra điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức, đề xuất các giải pháp đối với cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp và người dân để phát triển du lịch bền vững.

Từ khóa: *Cần Giờ, du lịch sinh thái, khu dự trữ sinh quyển, rừng ngập mặn, sinh kế.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ngày nay, sự phát triển nhanh chóng của du lịch ở nhiều quốc gia trên thế giới đã ngày càng thu hút sự quan tâm rộng rãi của các tầng lớp xã hội, mang lại nhiều mặt tích cực như: Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm, phát triển của quốc gia, địa phương. Phát triển du lịch theo hướng bền vững, sử dụng phương tiện, dịch vụ thân thiện với môi trường, năng lượng tái tạo... mang lại tác động tích cực và thúc đẩy phát triển du lịch bền vững [1]. Ở Việt Nam, phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, chú trọng phát triển du lịch bền vững, bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa, truyền thống tốt đẹp, bảo vệ môi trường và thiên nhiên, giải quyết tốt vấn đề lao động, việc làm và an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội [2]; Chính phủ quan tâm chú trọng và ưu tiên hàng đầu để hoàn thiện

thể chế, chính sách quản lý theo hướng tăng trưởng xanh và bền vững [3]. Du lịch xanh còn đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên, trải nghiệm ý nghĩa, thúc đẩy nhận thức, hành động bền vững, cải thiện sức khỏe con người và công bằng xã hội, giảm thiểu rủi ro môi trường, suy kiệt sinh thái [4]. Các quốc gia phát triển ngành du lịch có khát vọng và định hướng phát triển cộng đồng tương tác tích cực với tự nhiên và văn hóa địa phương đã thúc đẩy sự phát triển của du lịch xanh, tăng trưởng xanh tạo ra một môi trường du lịch bền vững hài hòa giữa phát triển với bảo tồn [5]. Mặt khác, hoạt động du lịch quá mức hoặc không được quản lý đúng cách theo hướng bền vững có thể dẫn đến những vấn đề gây ảnh hưởng nặng nề đến môi trường [1] như dẫn đến ô nhiễm và suy giảm chất lượng môi trường [6, 7], cường độ đi lại lớn làm gia

tăng CO₂, tiêu thụ thực phẩm, đặc sản gia tăng tác động đến nguồn tài nguyên [8].

Khu Dự trữ sinh quyển Rừng ngập mặn Cần Giờ sau khi được công nhận là Khu Dự trữ sinh quyển thế giới đầu tiên của Việt Nam vào ngày 21/01/2000 [9], đã định hướng quản lý, bảo tồn, phát triển hệ sinh thái rừng ngập mặn Cần Giờ theo hướng bền vững. Nhằm tạo ra nơi tham quan học tập, nghiên cứu và giáo dục, 3 vùng chim, thú rừng được thành lập gồm: Khu quy hoạch sân chim tại tiểu khu 15a với diện tích 602,5 ha, khu quy hoạch Đầm Dơi tại tiểu khu 15 với diện tích 123,2 ha và khu quy hoạch đảo khỉ tại Lâm viên Cần Giờ (tiểu khu 17) với diện tích 482,2 ha [10]. Điểm du lịch sinh thái Dàn Xây tại tiểu khu 10b cũng bắt đầu khai thác du lịch từ năm 2013 [11] với các chương trình tham quan, học tập trải nghiệm kết hợp với truyền thông, giáo dục môi trường, ẩm thực. Du lịch sinh thái trong Rừng phòng hộ Cần Giờ không chỉ góp phần tạo thêm thu nhập cho viên chức, người lao động trực tiếp quản lý bảo vệ rừng mà còn nâng cao nhận thức cho cộng đồng về vai trò, giá trị của rừng đối với môi trường và đời sống, nâng cao ý thức trách nhiệm của người dân và du khách [12].

Hoạt động du lịch tại Cần Giờ ngày càng tăng cả về loại hình du lịch và số lượng du khách, đã và đang ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường sống của các loài sinh vật như: Chim, dơi di cư không ổn định, một số loài thủy sản di chuyển xa bờ hơn... [13]. Do đó, việc nghiên cứu, định hướng và đưa ra các chủ trương điều tiết khai thác, khuyến khích phát triển hài hòa lợi ích cần được sự chung tay của các bên tham gia để giải quyết hiệu quả. Để có cái nhìn khái quát về các giá trị tài nguyên thiên nhiên, vai trò của rừng đối với môi trường, phát triển kinh tế địa phương, cần nghiên cứu đánh giá tác động của du lịch đến công tác quản lý tài nguyên rừng, từ đó xây dựng, định hướng chiến lược phát triển và đề xuất một số giải pháp trong việc phát triển du lịch sinh thái xanh và bền vững theo định hướng “Bảo tồn để phát triển, phát triển để bảo tồn”.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thu thập số liệu

Kế thừa các tài liệu, kết quả nghiên cứu trong và ngoài nước, các báo cáo, nghiên cứu để đánh

giá về điều kiện tự nhiên, đặc điểm kinh tế - xã hội và kết quả hoạt động du lịch của 3 điểm hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái dựa vào tài nguyên rừng trong Khu Dự trữ sinh quyển Rừng ngập mặn Cần Giờ. Sử dụng công cụ điều tra xã hội học trên 2 đối tượng là: Khách đến du lịch tại 3 địa điểm nghiên cứu (89 du khách) và người dân địa phương tham gia cung ứng dịch vụ du lịch (65 người). Tiến hành điều tra bằng 2 cách: Thông qua phiếu khảo sát các thông tin cần thiết theo mẫu biểu các câu hỏi đã in sẵn được sắp xếp theo nguyên tắc tâm lý, logic và chủ đề; tiến hành phỏng vấn nhanh bằng hình thức đối thoại trực tiếp xoay quanh các câu hỏi trọng tâm như: Sự quan tâm, tâm thế đón nhận, sự tham gia của người dân trong phát triển du lịch tại địa phương, mức độ hiểu biết về vai trò, giá trị tài nguyên rừng trong phát triển du lịch, sự tác động của hoạt động du lịch đối với việc bảo vệ hệ sinh thái...

2.2. Phân tích thống kê

Sử dụng công cụ SWOT (phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức) để đánh giá tổng quan các điều kiện thực tế tại Khu Dự trữ sinh quyển Rừng ngập mặn Cần Giờ, xác định các điểm mạnh, cơ hội trong việc phát triển du lịch dựa vào các giá trị tài nguyên, đồng thời nhận rõ điểm yếu và những thách thức, áp lực lên môi trường sinh thái rừng khi du lịch phát triển với quy mô lớn. Từ đó, dự đoán được các rủi ro, vấn đề nguy hại tiềm ẩn đối với môi trường, đời sống văn hóa - xã hội của người dân bản địa khi phát triển du lịch để có chiến lược phát triển du lịch một cách hài hòa và đúng mức khi khai thác các nguồn tài nguyên.

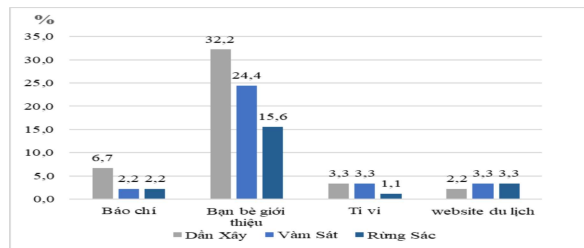
Dữ liệu thu thập được nhập và xử lý trên các phần mềm Microsoft Excel, Statgraphics XIX (phiên bản thử nghiệm).

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thực trạng công tác quản lý và các hoạt động du lịch tại Khu Dự trữ sinh quyển Rừng ngập mặn Cần Giờ

Hiện nay, Khu Dự trữ sinh quyển Rừng ngập mặn Cần Giờ đang duy trì hoạt động của 3 điểm/khu du lịch sinh thái như: (+) Điểm Du lịch sinh thái Dàn Xây do Ban Quản lý Rừng phòng hộ

huyện Cần Giờ quản lý, (+) Khu Du lịch sinh thái Vàm Sát do Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ quản lý, (+) Khu Di tích lịch sử Chiến khu Rừng Sác - Cần Giờ (đảo khỉ) do Khu Di tích lịch sử Địa đạo Củ Chi quản lý. Công tác quản lý của các điểm/khu du lịch sinh thái chủ yếu quản lý bảo vệ rừng và vận hành kinh doanh các sản phẩm du lịch. Tuy nhiên, công tác truyền thông, quảng bá các sản phẩm du lịch đến du khách còn hạn chế với 72,0% du khách biết đến các sản phẩm, dịch vụ du lịch từ lời giới thiệu, nhận xét của bạn bè xung quanh, trong khi các kênh thông tin khác ít được du khách biết đến, chưa đủ khả năng truyền thông, quảng bá cho các địa điểm du lịch. Trong đó, điểm du lịch sinh thái Dầm Xây được nhiều người biết đến hơn so với 2 khu du lịch còn lại, mặc dù đây là điểm du lịch được hình thành mới nhất trong khu vực (Hình 1).



Hình 1. Tỷ lệ (%) kênh thông tin về du lịch huyện Cần Giờ tại 3 điểm/khu du lịch sinh thái

3.1.1. Đánh giá một số đặc điểm lựa chọn của du khách tại 3 điểm/khu du lịch sinh thái

Du khách đến tham quan du lịch tại huyện Cần Giờ thường có nhiều lý do và mục đích lựa chọn khác nhau, trong đó 4 mục đích phổ biến là: Du lịch thuần túy (chiếm tỷ lệ cao nhất 45,7%), du

lich kết hợp học tập, nghiên cứu (35,2%), du lịch kết hợp với các chuyến công tác của cơ quan, đơn vị (16,2%) và du lịch kết hợp với thăm người thân, bạn bè (3,0%). Với mục đích du lịch thuần túy phần lớn du khách đến Khu Du lịch sinh thái Vàm Sát (20,0%) và điểm du lịch sinh thái Dầm Xây (18,1%); với mục đích học tập, nghiên cứu thì các điểm du lịch chênh lệch không nhiều (từ 11,4 - 12,4%); du lịch kết hợp với công tác của cơ quan, đơn vị đến điểm du lịch sinh thái Dầm Xây (7,6%) và Khu Di tích lịch sử Chiến khu Rừng Sác - Cần Giờ (5,7%) là chủ yếu. Nhu cầu của du khách khác nhau tùy thuộc vào nhiều yếu tố như: Sở thích, độ tuổi, giới tính... trong đó, du khách thường được người thân giới thiệu hoặc yêu thích lựa chọn một số loại hình như: (+) Dã ngoại, khám phá thiên nhiên, mạo hiểm (tản bộ trong rừng, khám phá vẻ đẹp yên bình của Khu Dự trữ sinh quyển Rừng ngập mặn Cần Giờ, chèo thuyền trên các tuyến sông, du ngoạn trên sông bằng thuyền/cano...) chiếm tỷ lệ cao nhất (46,0%). Đối với loại hình này phần lớn du khách lựa chọn điểm du lịch sinh thái Dầm Xây (25,3%); (+) Nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí, chiếm 22,0%. Ở loại hình này, du khách thường xuyên đến Khu Du lịch sinh thái Vàm Sát (16,0%); (+) Tham quan, nghiên cứu các hệ sinh thái rừng ngập mặn, biển, núi Giồng Chùa, nghiên cứu về truyền thống lịch sử và các giá trị văn hóa, tín ngưỡng... chiếm 21,3%. Đối với loại hình này, du khách chỉ chọn Khu Di tích lịch sử Chiến khu Rừng Sác - Cần Giờ (12,7%) và Khu Du lịch sinh thái Vàm Sát (8,7%); (+) Du lịch cộng đồng, chiếm tỷ lệ thấp nhất là 10,7% (Bảng 1).

Bảng 1. Một số đặc điểm lựa chọn của du khách tại 3 điểm/khu du lịch sinh thái (đơn vị tính %)

Điểm/khu du lịch sinh thái		Điểm du lịch sinh thái Dầm Xây	Khu Du lịch sinh thái Vàm Sát	Khu Di tích lịch sử Chiến khu Rừng Sác - Cần Giờ
Mục đích du lịch	Tham quan du lịch thuần túy	18,1	20,0	7,6
	Kết hợp với công tác của cơ quan, đơn vị	7,6	2,9	5,7
	Kết hợp học tập, nghiên cứu	11,4	11,4	12,4
	Kết hợp với thăm người thân tại huyện Cần Giờ	1,0	1,0	1,0
Loại	Du lịch nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí	4,0	16,0	2,0

hình du lịch	Dã ngoại, khám phá thiên nhiên, mạo hiểm	25,3	11,3	9,3
	Tham quan, nghiên cứu các hệ sinh thái, khu truyền thống lịch sử và các giá trị văn hóa...	0,0	8,7	12,7
	Du lịch cộng đồng	1,3	5,3	4,0
Thời điểm du lịch	Các ngày cuối tuần	25,9	21,3	9,3
	Kỳ nghỉ hè (ngày trong tuần)	6,5	9,3	3,7
	Các ngày nghỉ lễ, tết	1,9	3,7	4,6
	Trong các chuyến công tác	2,8	5,6	5,6
Lưu trú	Trong 1/2 ngày	16,9	6,7	12,4
	Trong 1 ngày	21,3	20,2	7,9
	Trong 2 ngày	6,7	5,6	2,2
Loại hình lưu trú	Khách sạn, nhà nghỉ	9,2	15,3	7,1
	Tại các điểm/khu du lịch sinh thái	10,2	6,1	7,1
	Gắn gũi với thiên nhiên: Ngủ lều tại khu dã ngoại gần biển, homestay của người dân	11,4	11,2	12,3

Bảng 1 cho thấy, mùa du lịch cao điểm của huyện Cần Giờ là mùa hè, đặc biệt là các ngày cuối tuần. Khảo sát về thời gian du khách thường xuyên đi du lịch có đến 61 lựa chọn vào các ngày cuối tuần, chiếm 56,5% (cao nhất ở điểm du lịch sinh thái Dầm Xây với 25,9%), tiếp đến là kỳ nghỉ hè với 21 lựa chọn, chiếm 19,4% (cao nhất ở Khu Du lịch sinh thái Vàm Sát là 9,3%)...

Về thời gian lưu trú khi du lịch, phần lớn lựa chọn tham quan trong 1 ngày là 44/89 lựa chọn, chiếm 49,0%, tiếp theo là 1/2 ngày là 32/89 lựa chọn, chiếm 36,0% và ở lại trong 2 ngày chỉ có 13/89 lựa chọn, chiếm 15,0%. Có nhiều loại hình lưu trú, trong đó du khách lựa chọn phổ biến là lưu trú gần gũi với thiên nhiên và cộng đồng dân cư như: Ngủ lều tại khu dã ngoại gần biển và các khu homestay của người dân chiếm 44,9%; 31,6% du khách lựa chọn hệ thống khách sạn, nhà nghỉ; trong khi đó chỉ có 23,5% du khách lựa chọn lưu trú tại các điểm/khu du lịch sinh thái.

Đến cuối năm 2023, toàn huyện Cần Giờ có 22 cơ sở lưu trú với 571 phòng (80 phòng đạt chuẩn 2 sao, 491 phòng chưa đạt tiêu chuẩn tối thiểu phục vụ du lịch) với sức chứa 1.842 khách, 10 hộ kinh doanh homestay, có 10 nhà hàng với công suất phục vụ từ 100 - 200 khách/lượt/nhà hàng và 49

quán ăn uống có công suất phục vụ trên 50 khách/lượt/quán [13].

Để phát triển du lịch cần đầu tư phát triển các loại hình vui chơi giải trí, đầu tư nâng cấp cơ sở lưu trú, dịch vụ ăn uống cần đa dạng hóa, thương mại các mặt hàng nông sản, thủy sản, các hình thức mua bán để mở rộng thị trường, gia tăng sức mua từ đó thúc đẩy sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm cạnh tranh để đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng và phát triển kinh tế.

3.1.2. Đánh giá khả năng cạnh tranh của 3 điểm/khu du lịch sinh thái

Yếu tố tài nguyên văn hóa/di sản: Cả 3 điểm/khu du lịch sinh thái đều được du khách đánh giá tập trung ở mức hài lòng cao, điều này cho thấy, các yếu tố về văn hóa, di sản như hệ thống di tích, các loại hình văn hóa nghệ thuật như: Đoàn ca tài tử, lễ hội Nghinh Ông huyện Cần Giờ, đa dạng ẩm thực, đặc biệt là các món hải sản và đặc sản là những yếu tố hấp dẫn đối với khách du lịch. Nổi trội nhất là điểm du lịch sinh thái Dầm Xây với tổng đánh giá cao nhất cho cả 3 tài nguyên văn hóa/di sản gồm: Di tích (45,0%), văn hóa (44,9%), ẩm thực (44,9%), trong đó đánh giá ở mức 4 lần lượt là 22,5%, 24,7% và 20,2% (Bảng 2).

Bảng 2. Năng lực cạnh tranh điểm/khu du lịch sinh thái gắn liền với tài nguyên rừng (đơn vị tính %)

Mức độ	Điểm du lịch sinh thái Dân Xây					Khu Du lịch sinh thái Vàm Sắt					Khu Di tích lịch sử Chiến khu Rừng Sác - Cần Giờ				
	1	2	3	4	5	1	2	3	4	5	1	2	3	4	5
<i>Tài nguyên văn hóa/di sản</i>															
Di tích	1,1	1,1	7,9	22,5	12,4	0,0	1,1	3,4	19,1	9,0	0,0	1,1	4,5	11,2	5,6
Văn hóa	0,0	2,2	9,0	24,7	9,0	0,0	1,1	3,4	20,2	7,9	1,1	0,0	3,4	13,5	4,5
Âm thực	0,0	2,2	9,0	20,2	13,5	0,0	1,1	7,9	16,9	6,7	0,0	2,2	3,4	10,1	6,7
<i>Kết cấu hạ tầng du lịch</i>															
Phòng ở	16,9	24,7	3,4	0,0	0,0	11,2	18,0	2,1	1,1	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0
Nhà hàng	16,9	19,1	9,0	0,0	0,0	11,2	18,0	3,4	0,0	0,0	2,2	15,6	5,6	0,0	0,0
Hội trường	38,2	6,7	0,0	0,0	0,0	11,2	21,3	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0
Hướng dẫn	24,7	10,1	10,1	0,0	0,0	12,4	14,6	5,6	0,0	0,0	18	4,5	0,0	0,0	0,0
<i>Giá dịch vụ</i>															
Ăn uống	1,1	1,1	13,5	23,6	5,6	0,0	3,4	4,5	21,3	3,4	0,0	2,2	5,6	10,1	4,5
Lưu trú	1,1	3,4	12,4	19,1	9,0	0,0	2,2	6,7	19,1	4,5	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0
Vận tải	0,0	4,5	10,1	25,8	4,5	0,0	3,4	4,5	20,2	4,5	0,0	1,1	7,9	7,9	5,6
Vui chơi, giải trí	0,0	4,5	9,0	23,6	7,9	0,0	1,1	4,5	23,6	3,4	0,0	2,2	3,4	11,2	5,6
Du lịch	0,0	3,4	11,2	23,6	6,7	1,1	1,1	4,5	20,2	5,6	0,0	1,1	4,5	11,2	5,6

Ghi chú: Đánh giá mức độ hài lòng của khách du lịch (1) hài lòng rất thấp, (2) hài lòng thấp, (3) hài lòng, (4) hài lòng cao, (5) hài lòng rất cao

Yếu tố kết cấu hạ tầng du lịch: Điểm du lịch sinh thái Dân Xây và Khu Du lịch sinh thái Vàm Sắt có cơ sở hạ tầng gồm: Phòng ở, lưu trú, nhà hàng ăn uống, phương tiện phục vụ hội nghị, triển lãm, hướng dẫn và thông tin du lịch; trong khi đó Khu Di tích lịch sử Chiến khu Rừng Sác - Cần Giờ chỉ được du khách đánh giá về nhà hàng ăn uống, hướng dẫn và thông tin du lịch. Về phòng ở, du khách đánh giá chủ yếu ở mức 2 (24,7% và 18,0%) và 1 (16,9% và 11,2%), ít đánh giá ở mức 3, 4 và không có đánh giá ở mức 5. Về nhà hàng ăn uống, ở cả 3 điểm/khu du lịch sinh thái đều được đánh giá cao nhất ở mức 2 (từ 15,6 - 19,1%), tiếp đến là mức 1 và 3, không có đánh giá ở mức 4 và 5. Về

phương tiện phục vụ hội nghị, triển lãm tại điểm du lịch sinh thái Dân Xây phần lớn đánh giá ở mức 1 (38,2%) trong khi tại Khu Du lịch sinh thái Vàm Sắt phần lớn đánh giá ở mức 2 (21,3%). Về hướng dẫn và thông tin du lịch tại điểm du lịch sinh thái Dân Xây được đánh giá cao nhất ở mức 1 (24,7%), đánh giá bằng nhau ở mức 2, 3 (10,1%) không có đánh giá ở mức 4, 5; tại Khu Du lịch sinh thái Vàm Sắt đánh giá cao nhất ở mức 2 (14,6%), tiếp đến là mức 1 (12,4%) và 3 (5,6%), không có đánh giá mức 4, 5; còn tại Khu Di tích lịch sử Chiến khu Rừng Sác - Cần Giờ đánh giá ở mức 1 là 18,0%, mức 2 là 4,5%, không có đánh giá mức 3, 4, 5. Ở cả 4 cơ sở hạ tầng này đều được quan tâm đánh giá nhiều

nhất ở điểm du lịch sinh thái Dân Xây với tổng đánh giá lần lượt là 45,0%; 45,0%; 44,9% và 44,9% trong khi hai khu du lịch còn lại ít được du khách quan tâm đánh giá (Bảng 2).

Yếu tố giá dịch vụ: Ở cả 3 điểm/khu du lịch sinh thái đều có độ hài lòng về giá dịch vụ khá cao (đánh giá tập trung ở mức 4), tiếp đến là mức 3 hoặc 5, ít ở mức 2 và 1. Dịch vụ ăn uống, vận tải và giá tour được đánh giá độ hài lòng cao nhất ở điểm du lịch sinh thái Dân Xây, tiếp đến là Khu Du lịch sinh thái Vàm Sát và thấp nhất ở Khu Di tích lịch sử Chiến khu Rừng Sác - Cần Giờ. Về lưu trú và hoạt động vui chơi, giải trí tại điểm du lịch sinh thái Dân Xây và Khu Di tích lịch sử Chiến khu

Rừng Sác - Cần Giờ cũng được đánh giá bằng nhau ở mức 4 (19,1%) nhưng ở mức 3 và 5 tại điểm du lịch sinh thái Dân Xây là 12,4% và 9,0% cao hơn nhiều so với Khu Du lịch sinh thái Vàm Sát (chiếm 6,7% và 4,5%), trong khi đó Khu Di tích lịch sử Chiến khu Rừng Sác - Cần Giờ có đánh giá ít nhất ở hoạt động vui chơi, giải trí và không có ở dịch vụ lưu trú. Nhìn chung, ở cả 5 loại dịch vụ: Ăn uống; lưu trú; vận chuyển - vận tải; hoạt động vui chơi, giải trí và du lịch điểm du lịch sinh thái Dân Xây đều vượt trội nhất với tổng mức đánh giá lần lượt 44,9%; 45,0%; 44,9%; 45,0%; 44,9% (Bảng 2).

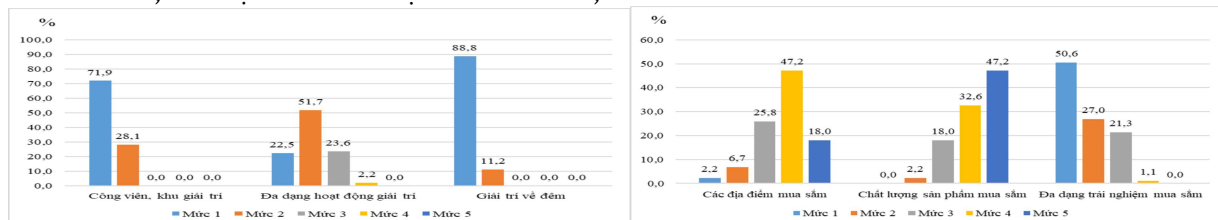
3.1.3. Các yếu tố cấu thành năng lực cạnh tranh tại 3 điểm/khu du lịch sinh thái nghiên cứu

Bảng 3. Các yếu tố cấu thành năng lực cạnh tranh tại 3 điểm/khu du lịch sinh thái (đơn vị tính %)

TT	Điểm/khu du lịch sinh thái	Điểm Du lịch sinh thái Dân Xây	Khu Du lịch sinh thái Vàm Sát	Khu Di tích lịch sử Chiến khu Rừng Sác - Cần Giờ
1	Khí hậu, thời tiết	18,0	15,7	12,4
2	Cảnh quan, thắng cảnh, khu bảo tồn thiên nhiên	25,8	23,6	11,2
3	Khu hệ động - thực vật	20,2	21,4	12,4
4	Di tích lịch sử - văn hóa	0,0	0,0	11,2
5	Đa dạng ẩm thực	20,2	16,9	10,1
6	Hệ thống phòng ở, lưu trú	24,7	18,0	13,5
7	Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống	19,1	18,0	14,6
8	Phương tiện phục vụ hội nghị, hội thảo, triển lãm	38,2	11,2	4,5
9	Biển báo hướng dẫn du lịch	24,7	12,4	18,0

Kết quả điều tra cho thấy, Điểm du lịch sinh thái Dân Xây vượt trội nhất với 7/9 yếu tố được đánh giá với tỷ lệ cao nhất, 1/9 yếu tố xếp thứ 2 và 1/9 yếu tố không có, thế mạnh là phương tiện phục vụ hội nghị, hội thảo, triển lãm. Khu Du lịch sinh thái Vàm Sát chỉ có 1/9 yếu tố được đánh giá cao nhất là khu hệ động - thực vật, 6/9 yếu tố xếp thứ 2, 1/9 yếu tố xếp thứ 3 và 1/9 yếu tố không có. Còn đối với Khu Di tích lịch sử Chiến khu Rừng Sác - Cần Giờ, thế mạnh là di tích lịch sử - văn hóa,

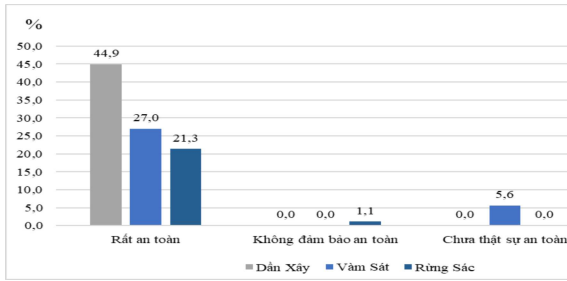
tuy nhiên có đến 7/9 yếu tố đánh giá xếp thứ 3 và 1/9 yếu tố xếp thứ 2 (Bảng 3). Mỗi điểm/khu du lịch sinh thái có những thế mạnh và điểm yếu riêng, do đó đòi hỏi đơn vị quản lý du lịch phải có chiến lược phát triển thế mạnh, cải tiến, nâng cao chất lượng, loại hình dịch vụ, cảnh quan, môi trường để khắc phục những điểm yếu mà du khách đánh giá chưa cao nhằm thu hút và phục vụ tốt hơn cho du khách, từ đó quảng bá thương hiệu, hình ảnh của từng điểm/khu du lịch sinh thái.



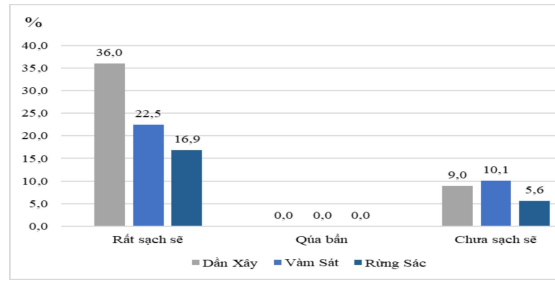
Hình 2. Đánh giá của du khách đối với các hoạt động giải trí (biểu đồ bên trái) và các mặt hàng nông sản, thủy sản (biểu đồ bên phải) tại huyện Cần Giờ

Các cơ sở giải trí như công viên, khu vui chơi, giải trí... ở huyện Cần Giờ có rất ít và đơn sơ, chưa phục vụ nhu cầu vui chơi, giải trí đa dạng của người dân địa phương và du khách, chỉ nhận được mức đánh giá tập trung ở mức 1 (71,91%). Sự đa dạng các hoạt động giải trí được đánh giá có phần khả quan hơn (51,7% đánh giá ở mức 2). Trong khi đó, yếu tố mua sắm các mặt hàng nông sản, thủy sản tại địa phương lại có những đánh giá khác

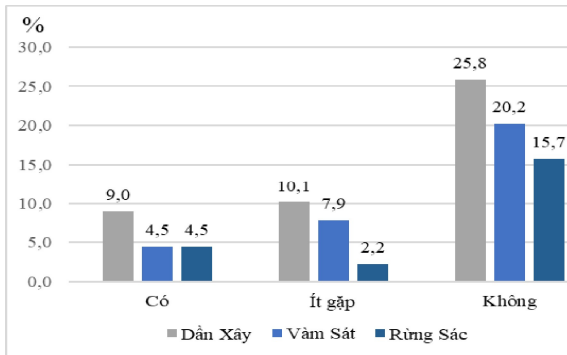
nhau cụ thể: Về địa điểm mua sắm được đánh giá tập trung ở mức 4; tuy nhiên về đa dạng trải nghiệm mua sắm được đánh giá khá thấp với 50,6% ở mức 1 và 48,3% ở tổng mức 2, 3; đáng chú ý là chất lượng của sản phẩm mua sắm được du khách đánh giá cao với phần lớn du khách hài lòng ở mức 5 (47,2%) và 4 (32,6%), rất ít đánh giá ở mức 2 và không có đánh giá ở mức 1.



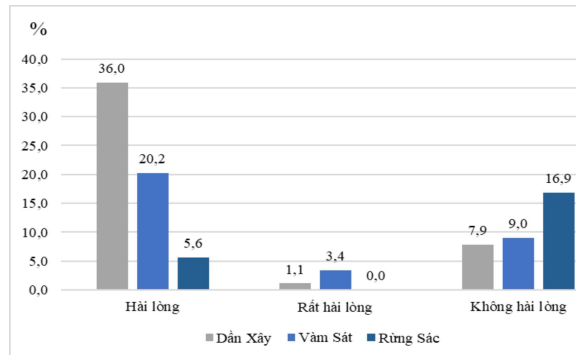
(a)



(b)



(c)



(d)

Hình 3. Đánh giá của du khách về: Công tác quản lý về an ninh trật tự (a); giữ gìn vệ sinh môi trường (b); tình trạng chèo kéo khách du lịch (c); mức độ hài lòng của khách du lịch (d)

Tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn huyện Cần Giờ được du khách đánh giá là một trong những điểm đến thân thiện, hấp dẫn, an toàn. Phần lớn đánh giá đây là một điểm đến rất an toàn (93,3%), một phần nhỏ đánh giá ở mức chưa thật sự an toàn (5,6%) và không đảm bảo an toàn (1,1%), trong đó điểm du lịch sinh thái Dân Xây được đánh giá rất an toàn cao nhất với 44,9%. Công tác giữ gìn vệ sinh môi trường tại các điểm tham quan, có 67 người trả lời là rất sạch sẽ (75,3%), 22 người trả lời là chưa được sạch sẽ (24,7%) và không có đánh giá ở mức độ quá bẩn, trong đó điểm du lịch sinh thái Dân Xây được đánh giá rất sạch sẽ (36,0%). Về vấn đề bị làm phiền bởi những người bán hàng rong, ăn xin ở cả 3 điểm/khu du lịch sinh thái đều có phần lớn trả lời là không bị làm

phiền (61,8%, trong đó điểm du lịch sinh thái Dân Xây được đánh giá cao nhất), vẫn còn tỷ lệ người trả lời là có gặp (18,0%) và ít gặp (20,2%). Các nhà quản lý cần chủ động phối hợp với chính quyền địa phương, các đơn vị liên ngành để giải quyết hiệu quả tình trạng chèo kéo, đeo bám du khách để tránh phát sinh tình trạng cướp giật, xâm hại tài sản, đảm bảo an toàn cho du khách. Về mức độ hài lòng của du khách đối với các chương trình du lịch, phần lớn du khách từ hài lòng trở lên (55 du khách hài lòng, chiếm 61,8% và 4 du khách rất hài lòng, chiếm 4,5%), ngược lại có đến 30 du khách (33,7%) trả lời không hài lòng. Trong đó, điểm du lịch sinh thái Dân Xây nhận được sự hài lòng cao nhất (36,0% hài lòng, 1,1% rất hài lòng, 7,9% không hài lòng; đồng thời có 39,3% lựa chọn có quay trở

lại, 5,6% không quay trở lại), tiếp đến là Khu Du lịch sinh thái Vàm Sát (20,2% hài lòng, 3,4% rất hài lòng, 9,0% không hài lòng; 22,5% có quay trở lại, 10,1% không quay trở lại) và cuối cùng là Khu Di tích lịch sử Chiến khu Rừng Sác - Cần Giờ (5,6% hài lòng, không có lựa chọn rất hài lòng, 16,9% không hài lòng; 11,2% có quay trở lại, 11,2% không quay trở lại). Một trong những nguyên nhân dẫn đến sự không hài của du khách ở Khu Di tích lịch sử Chiến khu Rừng Sác - Cần Giờ là do sự phiền toái của đàn khỉ đuôi dài dẫn đến sự e ngại của du khách (95,0% du khách phản ánh không hài lòng vì bị khỉ hoang dã tấn công, lấy trộm đồ và muốn lấy lại đồ phải mua thức ăn cho chúng).

Bảng 4. Đặc điểm và các loại hình du lịch ở 3 điểm/khu du lịch sinh thái

Điểm/khu du lịch sinh thái		Điểm du lịch sinh thái Dân Xây	Khu Du lịch sinh thái Vàm Sát	Khu Di tích lịch sử Chiến khu Rừng Sác - Cần Giờ
Tổng diện tích tự nhiên (ha)		47,53	1.406,82	1.939,57
Diện tích khai thác du lịch (ha)		17,00	725,70	482,20
Bắt đầu hoạt động - quyết định cho phép (năm)		Năm 2013 - 2021	Năm 1999 - 2004	Năm 2004 - 2015
Tỷ trọng (%) các loại hình dịch vụ	Nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí	10,0	10,0	3,0
	Dã ngoại, khám phá thiên nhiên	30,0	75,0	65,0
	Tham quan, nghiên cứu hệ sinh thái	55,0	7,0	32,0
	Du lịch cộng đồng	5,0	8,0	0,0

Bảng 4 cho thấy, Điểm du lịch sinh thái Dân Xây có 4 loại hình du lịch, trong đó nghiên cứu các hệ sinh thái chiếm tỷ lệ cao nhất (55,0%) và thấp nhất là loại hình du lịch cộng đồng (5,0%). Khu Di tích lịch sử Chiến khu Rừng Sác - Cần Giờ có 3 loại hình du lịch, chiếm tỷ lệ cao nhất ở dã ngoại, khám phá thiên nhiên (65,0%) và thấp nhất là du lịch nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí (3,0%), không triển khai kinh doanh loại hình du lịch cộng đồng. Khu Du lịch sinh thái Vàm Sát có 4 loại hình du lịch, trong đó dã ngoại, khám phá thiên nhiên chiếm tỷ lệ cao nhất (75,0%) và thấp ở 3 loại hình còn lại.

3.2. Các loại hình hoạt động du lịch tại Khu Dự trữ sinh quyển Rừng ngập mặn Cần Giờ

Khu Dự trữ sinh quyển Rừng ngập mặn Cần Giờ với 2 hệ sinh thái đặc trưng là rừng ngập mặn và biển tạo điều kiện rất thuận lợi cho việc phát triển các loại hình du lịch, đặc biệt du lịch sinh thái, tỷ trọng kinh tế ngày càng tăng trong cơ cấu kinh tế huyện Cần Giờ. Có 4 hình thức du lịch gồm: (1) Du lịch nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí; (2) Du lịch dã ngoại, khám phá thiên nhiên; (3) Du lịch tham quan, nghiên cứu các hệ sinh thái; (4) Du lịch cộng đồng.

3.3. Cơ hội việc làm và thu nhập từ các hoạt động du lịch đem lại cho cộng đồng dân cư

Kết quả khảo sát đã ghi nhận mức chi tiêu của du khách phổ biến từ 1 - 3 triệu đồng, chiếm 57,3% (trong đó cao nhất ở điểm du lịch sinh thái Dân Xây với 25,8%), tiếp đến là mức dưới 1 triệu đồng, chiếm 30,3%, tỷ lệ thấp ở mức 3 - 5 triệu đồng (7,8%) và 5 - 7 triệu đồng (4,5%). Trong các mức chi tiêu trên, nhu cầu chi tiêu về việc ăn uống là cao nhất với 28,4% (cao nhất ở Điểm Du lịch sinh thái Dân Xây với 13,3%) và thấp nhất là chi tiêu cho hoạt động thuê hướng dẫn viên bản địa với 6,7% (Bảng 5).

Bảng 5. Đặc điểm chi tiêu và các loại hình dịch vụ ở 3 điểm/khu du lịch sinh thái (đơn vị %)

Điểm/khu du lịch sinh thái		Điểm du lịch sinh thái Dân Xây	Khu Du lịch sinh thái Vàm Sát	Khu Di tích lịch sử Chiến khu Rừng Sác - Cần Giờ
Mức chi tiêu của du khách cho du lịch	Dưới 1 triệu	14,6	9,0	6,7
	Từ 1 - 3 triệu	25,8	20,2	11,2

(đồng/lượt khách)	Từ 3 - 5 triệu	1,1	2,2	4,5
	Từ 5 - 7 triệu	3,4	1,1	0,0
Mục đích chi tiêu của du khách cho du lịch	Vé tham quan	8,1	4,9	4,6
	Thuê phòng nghỉ	9,5	7,0	4,9
	Ăn uống	13,3	9,1	6,0
	Mua sắm quà tặng	5,3	4,6	3,9
	Thuê phương tiện	4,2	4,2	3,9
	Thuê hướng dẫn viên bản địa	1,8	2,8	2,1
Nhu cầu mua sắm quà tặng của du khách	Đồ thủ công, mỹ nghệ	7,1	5,1	6,1
	Đặc sản, nông sản	21,4	17,3	11,2
	Những vật phẩm khác	12,2	13,3	6,1
Các loại hình cung ứng dịch vụ trong hoạt động du lịch	Dịch vụ lưu trú	10,8	0,0	0,0
	Dịch vụ vận chuyển	3,1	7,7	12,3
	Dịch vụ ăn uống	12,3	10,8	20,0
	Cung ứng nông sản, thủy sản	18,5	12,3	15,4
	Kinh doanh hàng lưu niệm	0,0	7,7	4,6
	Dịch vụ hướng dẫn viên bản địa	1,5	3,1	1,5

Nhu cầu mua sắm quà tặng từ huyện Cần Giờ của du khách chiếm 50,0% là các loại đặc sản, nông sản, thực phẩm của địa phương đạt tiêu chuẩn OCOP; 18,4% là đồ thủ công, mỹ nghệ và 31,6% là những vật phẩm khác. Có 6 loại hoạt động cung ứng dịch vụ du lịch chính bao gồm: Lưu trú; vận chuyển; ăn uống; cung ứng nông sản; thủy sản; kinh doanh hàng lưu niệm và hướng dẫn viên bản địa, trong đó dịch vụ ăn uống chiếm tỷ lệ cao nhất với 43,1%. Bên cạnh đó, người dân có hoạt động sinh kế gắn liền với tài nguyên rừng (123 hộ nhận khoán bảo vệ rừng và các hộ sản xuất) chủ yếu thực hiện các hoạt động đánh bắt, nuôi thủy hải sản được ưa chuộng như: Tôm, cá, cua, hào... đều tham gia cung ứng cho du khách. Các loại đặc sản được du khách yêu thích là sản phẩm đánh bắt, nuôi trồng, sản xuất, chế biến mang đặc trưng của huyện Cần Giờ như: Tôm khô (49,4%), khô cá dứa 1 nắng

(55,1%), các loại khô 1 nắng khác (62,9%), hải sản tươi sống (36,0%), mật dừa (18,0%), xoài cát (9,0%)... Điều này cho thấy, hệ sinh thái rừng ngập mặn đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành các sản phẩm cung ứng cho ngành du lịch và tạo thêm thu nhập cho người dân địa phương.

3.4. Tầm quan trọng của tài nguyên rừng đối với các hoạt động du lịch

Tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học trong Rừng ngập mặn Cần Giờ bên cạnh các giá trị văn hóa, di sản, cộng đồng còn là đối tượng để phục vụ và thu hút khách du lịch, từ đó tạo ra thu nhập cho người dân địa phương. Ở cả 3 điểm/khu du lịch sinh thái, phần lớn đánh giá của du khách đều cho rằng, các yếu tố tài nguyên rừng có mối quan hệ chặt chẽ (từ 12,4 - 25,8%) đến rất chặt chẽ (từ 5,6 - 20,2%) đối với các hoạt động du lịch (Bảng 6).

Bảng 6. Đánh giá mối quan hệ giữa các yếu tố tài nguyên rừng đến hoạt động du lịch ở 3 điểm/khu du lịch sinh thái (đơn vị tính %)

Mức độ	Khí hậu, thời tiết					Cảnh quan, thắng cảnh					Khu hệ động - thực vật				
	1	2	3	4	5	1	2	3	4	5	1	2	3	4	5
Điểm du lịch sinh thái Dầm Xây	1,1	2,2	3,4	18,0	20,2	0,0	0,0	6,7	25,8	12,4	0,0	1,1	4,5	20,2	19,1
Khu Du lịch sinh thái Vàm Sát	0,0	2,2	4,5	15,7	10,1	1,1	0,0	1,1	23,6	6,7	0,0	1,1	1,1	21,3	9,0

Khu Di tích lịch sử Chiến khu Rừng Sác - Cần Giờ	0,0	1,1	2,2	12,4	6,7	0,0	0,0	2,2	11,2	9,0	0,0	3,4	1,1	12,4	5,6
--	-----	-----	-----	------	-----	-----	-----	-----	------	-----	-----	-----	-----	------	-----

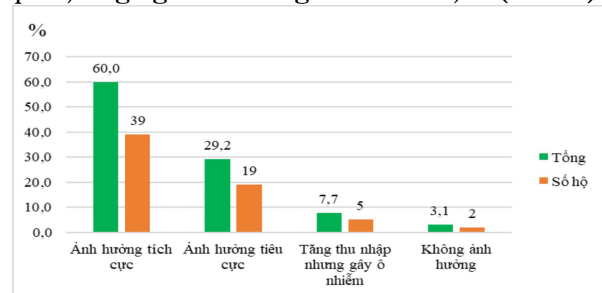
Ghi chú: Nhận định của khách du lịch về mối quan hệ giữa các yếu tố tài nguyên rừng đến hoạt động du lịch: (1) Không có quan hệ, (2) Ít có quan hệ, (3) Có mối quan hệ, (4) Quan hệ chặt chẽ và (5) Quan hệ rất chặt chẽ.

Kết quả khảo sát những hoạt động cung ứng dịch vụ du lịch phụ thuộc vào 6 yếu tố tài nguyên, môi trường cụ thể: (1) cảnh quan thiên nhiên (65 hộ, chiếm 100,0%), (2) nguồn lợi thủy sản (30 hộ, chiếm 46,2%), (3) diện tích mặt nước nuôi thủy hải sản (25 hộ, chiếm 38,5%), (4) nhiệt độ, thời tiết (50 hộ, chiếm 76,9%), (5) nguồn thức ăn tự nhiên (35 hộ, chiếm 53,8%) và (6) đa dạng sinh học (45 hộ, chiếm 69,2%). Các yếu tố địa hình, khí hậu, thời tiết, thủy văn, tài nguyên nước cũng ảnh hưởng đến dịch vụ lưu trú, vận chuyển du khách. Hệ sinh thái rừng, biển và nông nghiệp là nơi nuôi dưỡng, ngư trường đánh bắt, môi trường nuôi trồng các loài thủy hải sản, đặc sản, cung cấp nguồn nguyên vật liệu sản xuất các sản phẩm đặc sản, đặc trưng của địa phương.

3.5. Tác động của các loại hình hoạt động du lịch đến cộng đồng và tài nguyên rừng

Kết quả khảo sát cho thấy, có 39/65 hộ (60,0%) cho rằng khi du lịch phát triển đã ảnh hưởng tích cực, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống, 19/65 hộ (29,2%) trả lời ảnh hưởng tiêu cực, gây ô nhiễm môi trường sống và 5/65 hộ (7,7%) trả lời mặc dù hoạt động du lịch phát triển giúp tăng thu nhập, cải thiện cuộc sống của người dân nhưng gây ô nhiễm môi trường. Qua đó cho thấy, có 8 tác động tích cực như sau: (1) Thỏa mãn nhu cầu được khám phá, thám hiểm thiên nhiên, tìm hiểu về hệ sinh thái rừng, chiếm 88,8%; (2) Giúp tăng cường sức khỏe, chiếm 69,7%; (3) Giúp giải tỏa căng thẳng, tạo cảm giác thư giãn, chiếm 62,9%; (4) Nâng cao ý thức, hiểu biết và tình yêu đối với thiên nhiên và môi trường, chiếm 74,2%; (5) Tăng thêm hiểu biết về các địa điểm với các hệ sinh thái độc đáo, chiếm 50,6%; (6) Hiểu về sự tác động qua lại giữa các hệ sinh thái với nhau và với cuộc sống của con người, chiếm 37,1%; (7) Tiếp thu được nhiều nền văn hóa độc đáo, có sự hiểu biết về phong tục tập quán và các làng nghề thủ công truyền thống, chiếm 31,5%; (8) Không tổn

quá nhiều chi phí khi đi du lịch, chiếm 13,5%. Du lịch sinh thái có 5 tác động tích cực, góp phần: (1) Nâng cao ý thức bảo tồn, giữ gìn nguồn tài nguyên thiên nhiên, chiếm 98,5%; (2) Tạo việc làm và cải thiện thu nhập, chiếm 92,3%; (3) củng cố lòng tự hào và tình yêu đối với nơi họ sinh ra và lớn lên, chiếm 84,6%; (4) Quảng bá hình ảnh đẹp của quê hương, địa phương, chiếm 75,4%; (5) Giữ gìn và phát huy các truyền thống văn hóa, phong tục tập quán, làng nghề thủ công... chiếm 56,9% (Hình 4).



Hình 4. Đánh giá tác động của ngành du lịch tại huyện Cần Giờ

Với định hướng và chiến lược phát triển du lịch sinh thái bền vững trong Khu Dự trữ sinh quyển Rừng ngập mặn Cần Giờ, lồng ghép các chương trình giáo dục về ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên cho du khách và cộng đồng đã giúp chính quyền địa phương tiết kiệm được nguồn ngân sách chi trả cho công tác truyền thông, giáo dục môi trường, nâng cao hiệu quả quản lý, bảo vệ rừng và bảo tồn đa dạng sinh học.

Mặt khác, du lịch sinh thái cũng gây ra tác động tiêu cực đến tài nguyên rừng và cộng đồng như sự thay đổi, xáo trộn môi trường tự nhiên, ảnh hưởng đến tập tính, môi trường sống của các loài sinh vật, suy thoái tài nguyên, ô nhiễm môi trường... tại các điểm/khu du lịch sinh thái với các nguyên nhân chính là xả rác thải bừa bãi của du khách, chiếm 76,9%; chất thải từ các phương tiện vận chuyển, chiếm 49,2%; xử lý chất thải không đúng quy định, chiếm 46,2%; khai thác quá mức

lâm sản ngoài gỗ, chiếm 38,5% và xây dựng các công trình phục vụ, chiếm 15,4%... Ngoài ra, sự tập trung lượng lớn du khách và dịch vụ đã gây ra tình trạng ùn tắc giao thông tại các khu vực bến phà vào các dịp lễ, tết mâu thuẫn nảy sinh giữa cộng

đồng với du khách; gia tăng tệ nạn, tai nạn giao thông mất trật tự an toàn xã hội...

3.6. Phân tích SWOT của sử dụng tài nguyên thiên nhiên với thu nhập hộ

Bảng 7. Kết quả phân tích SWOT về quan hệ giữa sinh kế và tài nguyên rừng

S: Điểm mạnh	W: Điểm yếu
- Đa dạng hệ sinh thái, đa dạng sinh học. - Vị trí địa lý, tài nguyên, địa hình (sông, rừng, biển, núi, di tích lịch sử - văn hóa). - Nhận thức, hiểu biết về pháp luật, tầm quan trọng và vai trò của hệ sinh thái rừng ngập mặn của cộng đồng và du khách ngày một nâng cao. - Nguồn nhân lực dồi dào phục vụ và cung ứng sản phẩm dịch vụ là lực lượng quản lý, bảo vệ rừng, người dân giữ rừng và cộng đồng dân cư. - Các đơn vị du lịch đã có nhiều kinh nghiệm quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, cung ứng dịch vụ, thiết kế tour tuyến tham quan...	- Chưa có quy hoạch, định hướng phát triển kinh tế - xã hội du lịch tổng thể toàn huyện. - Mạng lưới kết nối, hạ tầng giao thông, dịch vụ còn hạn chế. - Nhận diện của du khách về sản phẩm du lịch chưa cao, sản phẩm du lịch còn đơn điệu, chưa đa dạng, chưa hấp dẫn. - Chưa có cơ sở pháp lý để khai thác, đầu tư các cơ sở hạ tầng trong rừng phòng hộ. - Trình độ và kỹ năng nghiệp vụ du lịch của đội ngũ lao động chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển và hội nhập.
O: Cơ hội	T: Thách thức
- Nguồn lực, bảo vệ môi trường tốt. - Tiềm lực lớn là rừng ngập mặn lớn nhất nước. - Nhiều chương trình, đề án, kế hoạch cụ thể đầu tư phát triển huyện Cần Giờ của thành phố Hồ Chí Minh. - Cơ hội tăng trưởng nguồn du khách (nội địa và quốc tế) gắn với xu hướng thực hành du lịch xanh và tiêu dùng sản phẩm của địa phương. - Tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học, bản sắc văn hóa, tín ngưỡng đa dạng, đặc sắc. - Nhiều nhà đầu tư, doanh nghiệp tư nhân đầu tư phát triển kinh tế biển, du lịch sinh thái.	- Chịu sức ép cạnh tranh từ các sản phẩm du lịch tương đồng thuộc khu vực Nam bộ - Áp lực từ du lịch đến môi trường, đời sống của sinh vật, giảm sút tài nguyên. - Giữ gìn và phát huy danh hiệu khu dự trữ sinh quyển thế giới. - Khai thác quá mức thủy hải sản gần bờ, lâm sản ngoài gỗ. - Tác động của biến đổi khí hậu gây ảnh hưởng tiêu cực đến hệ sinh thái rừng và sinh kế người dân, hoạt động du lịch.

3.7. Đề xuất giải pháp giảm thiểu các tác động đối với tài nguyên rừng và thúc đẩy phát triển hoạt động du lịch sinh thái

Cần triển khai quy hoạch, nâng cấp hạ tầng giao thông và dịch vụ, xây dựng sản phẩm du lịch đặc thù, nâng cao chất lượng các sản phẩm; đẩy mạnh công tác truyền thông giáo dục, giảng dạy nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người dân địa phương và du khách về ý thức bảo vệ môi trường để phát triển du lịch gắn với bảo tồn tài nguyên; phát triển mạng lưới thu gom rác và hệ thống xử lý chất thải; tiếp tục triển khai, nhân rộng mô hình quản lý môi trường dựa vào cộng đồng; khuyến khích người dân, du khách không sử dụng

sản phẩm nhựa dùng 1 lần, sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường.

Xây dựng thương hiệu, sản phẩm du lịch đặc thù; đẩy mạnh truyền thông, quảng bá; tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường trong kinh doanh du lịch và dịch vụ; nâng cao ý thức, trách nhiệm của người lao động, du khách về bảo vệ môi trường.

Khuyến khích cộng đồng tham gia phát triển các loại hình du lịch bền vững (du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng), tạo ra các sản phẩm du lịch đặc thù mang đậm bản sắc và có giá trị cho địa phương; khuyến khích người dân tự hào và tự giác trong công tác bảo tồn bản sắc văn hóa; tham gia

các lớp đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng, kiến thức chuyên môn về du lịch, bảo vệ tài nguyên, môi trường, tiêu dùng thân thiện...

4. KẾT LUẬN

Trong Khu dự trữ sinh quyển Rừng ngập mặn Cần Giờ có 3 đơn vị đang trực tiếp khai thác du lịch sinh thái với 4 loại hình du lịch gồm: Du lịch nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí; dã ngoại, khám phá thiên nhiên, du lịch mạo hiểm; tham quan, nghiên cứu các hệ sinh thái và du lịch cộng đồng. Cung ứng 6 nhóm hoạt động chính là: Dịch vụ lưu trú; vận chuyển; ăn uống; cung ứng nông - thủy sản, kinh doanh hàng lưu niệm; hướng dẫn viên bản địa. Ngành du lịch chịu sự phụ thuộc rất lớn đối với các yếu tố như: Cảnh quan thiên nhiên, nguồn lợi thủy sản, diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản, nhiệt độ, thời tiết, nguồn thức ăn trong tự nhiên, tính đa dạng sinh học. Sự phát triển du lịch, đặc biệt là các loại hình du lịch gắn với tài nguyên thiên nhiên giúp mang lại những nguồn lợi kinh tế to lớn, tạo cơ hội việc làm, nâng cao thu nhập, dân trí, sức khỏe và cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho cộng đồng dân cư. Phát triển du lịch trên địa bàn huyện Cần Giờ có nhiều tác động tích cực cho người dân mà quan trọng nhất là tạo ra các hoạt động sinh kế ổn định, gia tăng nguồn thu nhưng vẫn còn tồn tại một số hạn chế về công tác quản lý, bảo vệ môi trường, an ninh trật tự.

Những lợi ích của du lịch sinh thái không chỉ bao gồm lợi ích về kinh tế mà còn là những giá trị về văn hóa, xã hội và quan trọng nhất chính là những tác động tích cực đối với môi trường tự nhiên. Cần triển khai quy hoạch cho phát triển du lịch sinh thái, nâng cấp hạ tầng giao thông và dịch vụ, xây dựng sản phẩm du lịch đặc thù, nâng chuẩn các sản phẩm du lịch, đẩy mạnh công tác truyền thông để phát triển du lịch cho huyện Cần Giờ để đưa con người đến gần hơn, yêu quý và biết bảo vệ thiên nhiên. Vì vậy, cần phải có hướng phát triển đúng đắn và phù hợp, theo định hướng phát triển du lịch xanh và bền vững gắn với bảo tồn để hạn chế tối đa những tác động tiêu cực và gia tăng lợi ích của chúng đối với cuộc sống của người dân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Xuân Nương, Hà Nhi Thanh Thảo, Võ Huỳnh Hùng Thịnh, Hồ Nguyễn Thái Bảo (2024). Du lịch, tài chính và môi trường: Vai trò điều tiết của phát triển tài chính trong thúc đẩy du lịch bền vững ở các quốc gia châu Á. Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia Du lịch xanh gắn với phát triển bền vững trong bối cảnh toàn cầu hóa, trang 89 - 105.
2. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2017). *Nghị quyết của Bộ Chính trị số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 về Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn*, 7 trang.
3. Chính phủ (2022). *Quyết định số 882/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 về Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030*, 89 trang.
4. Lê Trung Đạo, Vũ Thanh Tùng (2024). Bài học kinh nghiệm thúc đẩy du lịch xanh của các quốc gia phát triển trên thế giới. Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia Du lịch xanh gắn với phát triển bền vững trong bối cảnh toàn cầu hóa, trang 3 - 20.
5. Vũ Thục Hiền, Bùi Tiến Dũng, Nguyễn Hoàng Hảo, Đinh Lan Hương, Hà Thị Yến (2024). Xu hướng du lịch xanh hướng tới phát triển bền vững trong Khu Dự trữ sinh quyển Thế giới Đồng Nai. Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia Du lịch xanh gắn với phát triển bền vững trong bối cảnh toàn cầu hóa, trang 222 - 239.
6. Avcı, P., Sarıgül, S. S. (2022). Is the performance of the companies operating in the participation index in the Turkish economy affected by the macroeconomic perspective?. *Journal of Ekonomi*, 4(2), 63 - 73.
7. Ongan, S., Işık, C., Amin, A., Bulut, U., Rehman, A., Alvarado, R., ... & Karakaya, S. (2023). Are economic growth and environmental pollution a dilemma?. *Environmental science and pollution research*, 30(17), 49591 - 49604.
8. Lenzen, M., Sun, Y. Y., Faturay, F., Ting, Y. P., Geschke, A. & Malik, A. (2018). The carbon footprint of global tourism. *Nature climate change*, 8(6), 522 - 528.
9. Ban Quản lý Rừng phòng hộ huyện Cần Giờ (2024). *Tổng quan Khu dự trữ sinh quyển Rừng*

ngập mặn Cần Giờ, <https://rungngapmancangio.org/>, truy cập ngày 20/9/2024.

10. Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh (2004). *Quyết định số 27/QĐ-UB ngày 06 tháng 01 năm 2004 về việc Phê duyệt khoanh vùng chim thú rừng tại Rừng phòng hộ Cần Giờ*, 3 trang.

11. Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh (2021). *Quyết định số 4196/QĐ-UBND ngày 15/12/2021 về Công nhận điểm du lịch sinh thái Dàn Xây*, 1 trang.

12. Đặng Ngọc Hiệp, Phan Văn Trung, Bùi Nguyễn Thế Kiệt, Lê Thanh Sang và Đặng Ngọc Hằng (2024). Đa dạng sinh học: Tiềm năng và giải pháp phát triển du lịch bền vững tại điểm du lịch sinh thái Dàn Xây. Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia Du lịch xanh gắn với phát triển bền vững trong bối cảnh toàn cầu hóa, trang 312 - 328.

13. Ủy ban Nhân dân huyện Cần Giờ (2023). *Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội năm 2023*, 41 trang.

IMPACT OF TOURISM ON FOREST RESOURCE MANAGEMENT IN CAN GIO MANGROVE BIOSCOPY RESERVE

Huynh Duc Hoan¹, Le Thi Phuong Quyen¹, Dang Ngoc Hiep¹, La Vinh Hai Ha²

¹*Can Gio Protection Forest Management Board*

²*Nong Lam University of Ho Chi Minh city*

Summary

Can Gio Mangrove Biosphere Reserve has strengths in mangrove ecosystems, sea, agriculture, culture and beliefs... creating favorable conditions for developing agriculture - forestry - fishery, small - scale industry, tourism and services. Using the method of inheriting data and sociological survey tools on tourists and tourism service providers, SWOT analysis assesses the impact of tourism on forest resources, environment, forest management and conservation, thereby promoting strengths and solutions to minimize negative impacts. The research area has 3 eco - tourism spots/areas with 4 types of tourism exploited including resort, entertainment, recreation (22.0%); picnic, nature exploration; adventure tourism (46.0%); sightseeing, studying ecosystems (21.3%) and community tourism (10.7%). The service supply system includes 6 main groups of activities: Accommodation services (10.8%), transportation (23.1%), food and beverage (43.1%), agricultural and aquatic product supply (46.2%), souvenir business (12.3%) and local tour guides (6.1%). Tourism services depend heavily on resources, environment, weather and biodiversity, with 9 factors constituting competitiveness at 3 tourist destinations/areas. Dan Xay Ecotourism Site is considered the most outstanding. The study has identified strengths, weaknesses, opportunities and challenges and proposed solutions for state management agencies, businesses and people to develop sustainable tourism.

Keywords: *Can Gio, ecotourism, biosphere reserve, mangrove forest, livelihood.*

Ngày nhận bài: 22/10/2024

Ngày chuyển phản biện: 14/11/2024

Ngày thông qua phản biện: 22/11/2024

Ngày duyệt đăng: 10/12/2024